

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ tháng 10 và chương trình công tác tháng 11 năm 2016

Trong tháng 10, tình hình sản xuất nông nghiệp có một số thuận lợi cơ bản như: Các loại dịch bệnh nguy hiểm trên cây trồng, vật nuôi không phát sinh; giá cả một số nông sản duy trì ở mức khá, nông dân tập trung thu hoạch rộ diện tích lúa Hè Thu 2016 và xuống giống đồng loạt lúa vụ Thu Đông - mùa 2016 - 2017; sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng tăng so với tháng trước; công tác tư vấn, tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật tiếp tục được triển khai; các chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn được quan tâm thực hiện. Tuy nhiên, giá cá lóc giảm mạnh và thấp hơn giá thành trung bình từ 8.000-10.000 đồng/kg. Do ảnh hưởng của dịch bệnh, năng suất lúa hè thu đạt thấp; diện tích gieo trồng các loại cây màu giảm so cùng kỳ. Tình hình xây dựng nông thôn mới và các công tác chuyên ngành tiếp tục được quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự hỗ trợ của các ngành, các cấp nên đạt được kết quả cụ thể như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

- Cây lúa:

+ Vụ Hè thu: Thu hoạch 27.285 ha, nâng tổng diện tích thu hoạch vụ này đến nay 70.056 ha, năng suất trung bình 5,06 tấn/ha, đạt 90% diện tích xuống giống. Diện tích nhiễm sâu bệnh trong tháng 1.027 ha, chủ yếu là bệnh đạo ôn lá 898 ha, tỷ lệ 5-10%, ở các huyện Càng Long, Cầu Kè, Tiểu Cần, Châu Thành, Trà Cú, Cầu Ngang; ốc bươu vàng 130 ha tỷ lệ 5-10% tập trung ở huyện Cầu Ngang, ngoài ra còn có các đối tượng khác như đóm vằn, rầy nâu, sâu cuốn lá, tuy nhiên mức độ gây hại nhẹ.

+ Vụ Thu Đông - mùa: Xuống giống 34.195 ha, nâng tổng diện tích xuống giống vụ này đến nay 49.362 ha (cây lúa mùa 938,5 ha), thu hoạch 695 ha tại huyện Càng Long.

- Gieo trồng 3.189 ha cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác, nâng tổng diện tích gieo trồng đến nay 47.471 ha, đạt 82,8% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 3.051 ha, trong đó: Màu lương thực 6.335 ha, màu thực phẩm 26.221 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 14.916 ha.

* Đầu tháng 10, do ảnh hưởng của mưa lớn đã gây ngập úng 636 ha lúa Thu Đông, trong đó 356 ha thiệt hại trên 70% tại huyện Trà Cú nông dân phải gieo sạ lại; 09 ha dưa hấu, hành tím, rau màu tại huyện Tiểu Cần và thị xã Duyên Hải thiệt hại từ 10-20%.

- Phân công cán bộ kỹ thuật phụ trách địa bàn kiểm tra, khảo sát đánh giá tình hình bệnh cháy lá, đạo ôn cổ bông trên lúa; hướng dẫn nông dân quản lý ốc brou vàng, bệnh cháy lá không để lây lan ra diện rộng và ảnh hưởng đến năng suất. Tổ chức tập huấn kỹ thuật canh tác, phòng, trị bệnh đạo ôn và khắc phục thiệt hại do ngập úng cho 6.330 lượt nông dân, đồng thời, hướng dẫn nông dân tự phòng trị bọ nhảy trên rau ăn lá; bọ phấn hại dưa, họ bầu bí; đóm lá, rỉ sắt trên đậu phộng; sương mai, thán thư trên khổ qua, dưa leo, dưa hấu, ớt; chết cây con, nứt thân chảy nhựa trên dưa hấu,...

b) Chăn nuôi, thú y:

Trong tháng, các loại dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm không phát sinh.

Thực hiện tiêm phòng cúm 595.797 con gia cầm, phòng LMLM 1.090 con gia súc, tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 167.509 con gia súc; tiêm phòng đại chó, mèo 609 con. Lũy kế đến nay, tiêm phòng cúm 3.036.425 con gia cầm, đạt 92% so diện tiêm; tiêm phòng LMLM 37.826 con gia súc, đạt 45,8% so diện tiêm; tiêm phòng các loại bệnh thường xuyên 1.086.141 con gia súc (dịch tả 377.913 con, tụ huyết trùng 352.663 con, phó thương hàn 355.565 con); tiêm phòng đại chó, mèo 2.321 con.

Kiểm dịch động vật xuất, nhập tỉnh 33.696 con gia súc, 285.559 con gia cầm, 2,3 triệu quả trứng và 106 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 147 lượt cơ sở. Lũy kế đến nay kiểm dịch 247.924 con gia súc, 2,3 triệu con gia cầm, 23,9 triệu quả trứng và 974 tấn sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ 1.041 lượt cơ sở giết mổ, phát hiện 19 trường hợp vi phạm (thân thịt lưu thông, mua bán không có dấu kiểm soát giết mổ).

Toàn tỉnh có 13 cơ sở giết mổ tập trung hoạt động ổn định, bình quân giết mổ 90 gia súc/cơ sở/ngày đêm và 1.000 gia cầm/cơ sở/ngày đêm. Trạm trung chuyển heo xã Ninh Thới trung bình trung chuyển 60 con/ngày. Cơ quan chuyên môn tiếp tục hỗ trợ xây dựng thêm cơ sở giết mổ tập trung tại huyện Cầu Ngang.

Các địa phương hỗ trợ xây dựng được 1.837 công trình khí sinh học, 01 đê mê lót sinh học, đào tạo 31 người về kỹ thuật gieo tinh nhân tạo cho bò, mua 13 bò đực giống và gieo tinh nhân tạo 177 con bò (198 liều tinh), hỗ trợ mua 04 bình Nitơ theo Quyết định 15/2015/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Phối hợp với địa phương tổ chức 17 lớp tập huấn cho 377 lượt người và 09 cuộc tuyên truyền không sử dụng chất cấm trong chăn nuôi cho 321 lượt người trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

c) Lâm nghiệp:

- Trồng 288 ha rừng phòng hộ (Công ty Mùa Vàng trồng 90 ha); trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố được 50.000

cây, đạt 100% kế hoạch, vận động hộ dân nhận khoán trồng cây lâm nghiệp phân tán, chăm sóc và trồng dặm đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định.

- Tổ chức 84 lượt tuần tra bảo vệ rừng, xử lý 01 trường hợp vi phạm, nâng tổng số đến nay tổ chức 813 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện 16 trường hợp vi phạm làm thiệt hại 3.147 m² rừng, đã tiến hành xử lý theo quy định.

- Triển khai thực hiện khai thác tận thu gỗ đước chết tại khu bảo tồn hệ sinh thái rừng ngập mặn xã Long Khánh, huyện Duyên Hải; thông báo bán đấu giá gỗ phi lao chết do nấm bệnh tại xã Đông Hải và gỗ bần, đước thiệt hại do thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ nuôi tôm công nghiệp xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải.

- Tổ chức 02 lớp tuyên truyền phổ biến pháp luật trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng cho 46 hộ dân sống tiếp giáp với rừng. Nâng tổng số đến nay tổ chức 21 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật trong lĩnh vực phòng cháy, chữa cháy và quản lý bảo vệ rừng cho 656 hộ dân sống tiếp giáp với rừng.

d) Thủy sản: Sản lượng thu hoạch trong tháng 18.352 tấn, tăng 1.322 tấn so với cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng thu hoạch đến nay 140.356 tấn (đạt 77,5% kế hoạch), tăng 3.112 tấn so với cùng kỳ, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích thả nuôi 1.338 ha (tăng 292 ha), thu hoạch 13.191 tấn (tăng 987 tấn). Nâng tổng diện tích thả nuôi đến nay 42.052 ha, đạt 98,5% kế hoạch, thu hoạch 84.566 tấn, đạt 83,6% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.950 tấn, cụ thể:

+ Vùng nước mặn, lợ: Diện tích thả nuôi 656 ha (giảm 458 ha), thu hoạch 7.490 tấn (giảm 1.619 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 38.766 ha (tăng 406 ha), tập trung các đối tượng nuôi chủ yếu như: Tôm sú thả nuôi 1,8 tỷ con giống (18.548 ha), tôm thẻ chân trắng thả nuôi 2,84 tỷ con giống (5.861 ha), cua biển 198 triệu con (14.031 ha). Thu hoạch 41.966 tấn, cao hơn cùng kỳ 1.708 tấn, gồm tôm sú 11.226 tấn, tôm thẻ chân trắng 22.356 tấn, cua biển 6.692 tấn, còn lại là các loại thủy sản khác. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp, môi trường ao nuôi biến động làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, gây bệnh hoại tử gan tụy và bệnh đốm trắng làm thiệt hại 10 triệu con tôm sú giống, 22,6 triệu con tôm thẻ chân trắng. Lũy kế đến nay thiệt hại 405 triệu con tôm sú giống (chiếm 22,5%), 558 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 19,6%).

+ Vùng nước ngọt: Diện tích thả nuôi 681 ha (tăng 410 ha), thu hoạch 5.702 tấn (tăng 2.607 tấn). Lũy kế đến nay thả nuôi 3.286 ha, giảm 394 ha so với cùng kỳ (cá lóc 298 ha, tôm càng xanh 954 ha, còn lại chủ yếu là cá các loại); thu hoạch 42.600 tấn (tăng 6.242 tấn so với cùng kỳ), gồm: Cá lóc 22.472 tấn, cá tra 8.814 tấn, tôm càng xanh 358 tấn, còn lại là các loại khác.

- Khai thác: Sản lượng 5.161 tấn, tăng 335 tấn so cùng kỳ. Nâng tổng sản lượng khai thác đến nay 55.790 tấn (9.635 tấn tôm), đạt 70% kế hoạch, giảm 4.838 tấn so cùng kỳ, gồm: Khai thác nội đồng 8.228 tấn (2.960 tấn tôm), khai thác hải sản 47.562 tấn (6.675 tấn tôm).

- Tình hình thu mua, chế biến: Các doanh nghiệp thu mua 1.613 tấn thủy sản (tôm sú 133 tấn, tôm thẻ 927 tấn), chế biến 946 tấn, tiêu thụ 796 tấn, kim ngạch xuất khẩu trên 5,6 triệu USD. Nâng tổng số đến nay các doanh nghiệp thu mua 11.083 tấn (tôm sú 882 tấn, tôm thẻ 4.707 tấn), chế biến 6.192 tấn, tiêu thụ 4.859 tấn, kim ngạch xuất khẩu 31,5 triệu USD.

- Công tác phòng, chống dịch bệnh: Tiếp tục phân công cán bộ kỹ thuật xuống các địa phương tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi thủy sản và giám sát tình hình bệnh nhằm chủ động trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Kiểm dịch 1,6 tỷ con tôm giống, cấp 377 giấy chứng nhận kiểm dịch; kiểm tra vệ sinh thú y 97 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống, cấp 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y, 53 chứng chỉ hành nghề thú y thủy sản; thực hiện 91 kỳ quan trắc, cảnh báo môi trường nước; thu 114 mẫu giáp xác, 51 mẫu bệnh phẩm, 98 mẫu nước ao nuôi phân tích phục vụ nuôi thủy sản.

e) Phát triển nông thôn:

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

+ Công tác tuyên truyền: Tổ chức 357 cuộc lồng ghép tuyên truyền cho 23.956 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 5.465 cuộc lồng ghép tuyên truyền với 315.211 lượt người, các nội dung tuyên truyền là vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế, xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, trồng cây xanh làm hàng rào, cột cờ kết hợp với đèn chiếu sáng,...

+ Kết quả rà soát theo bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 85 xã: Đến nay có 21 xã đạt 19 tiêu chí; 09 xã đạt từ 15 - 18 tiêu chí; 55 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí.

+ Trong tháng, Ban Chỉ đạo các xã công nhận 234 hộ đạt tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, 01 ấp đạt chuẩn nông thôn mới. Nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 118.373 hộ đạt chuẩn hộ nông thôn mới, chiếm 53% trên tổng số hộ phát động; 169 ấp đạt ấp nông thôn mới, chiếm 24,78% trong tổng số ấp.

+ Tổng nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình: 139,16 tỷ đồng, trong đó: Vốn trái phiếu Chính phủ 75,56 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 30 tỷ đồng, vốn đầu tư phát triển 19,1 tỷ đồng, vốn sự nghiệp 14,5 tỷ đồng. Các địa phương đang khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ phát triển sản xuất, nhưng chưa có kết quả giải ngân.

- Chương trình bố trí dân cư:

+ Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Cần Chông, huyện Tiểu Cần: Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xem xét cân đối bổ sung nguồn vốn ngân sách tỉnh thanh toán khối lượng hoàn thành, triển khai thi công hạng mục kè bờ bên phải với chiều dài 649m; điều chỉnh hồ sơ dự toán; kiểm tra tiến độ thi công hạng mục kè bờ bên trái chiều dài 515m.

+ Dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa: Trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh dự toán hạng mục đường giao thông liên ấp; điều chỉnh hồ sơ dự toán xây dựng hạng mục đường giao thông liên ấp.

+ Dự án di dân sạt lở xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải: Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, trong đó: Giai đoạn 1 (năm 2016 – 2020) di dời 95 hộ dân; giai đoạn 2 (năm 2021 – 2025) di dời 70 hộ dân, dự kiến tổng mức đầu tư 73,55 tỷ đồng.

- Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Quyết toán các dự án hoàn thành năm 2016, giải ngân vốn đầu tư phát triển 10,74 tỷ đồng, vượt 79% kế hoạch. Vốn sự nghiệp giải ngân 1,4 tỷ đồng, nâng tổng số đến nay vốn sự nghiệp giải ngân được gần 3,97 tỷ đồng, đạt 99,2% kế hoạch. Trong tháng, lắp đặt cho 1.079 hộ sử dụng nước máy, lũy kế đến nay đã lắp đặt cho 92.645 hộ (tăng 13.184 hộ so với đầu năm).

2. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác quy hoạch:

- Hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị gửi Sở Tư pháp thẩm định 03 dự án quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, dự thảo 03 Nghị quyết trình UBND tỉnh thông qua Hội đồng nhân dân trong kỳ họp cuối năm 2016.

- Kết hợp đơn vị tư vấn triển khai lập 04 dự án: Quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ tỉnh Trà Vinh; rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía và rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch chi tiết phát triển chăn nuôi các khu vực chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn chỉnh các thủ tục và phát hành hồ sơ mời thầu lập Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

b) Tham mưu xây dựng, ban hành văn bản:

- Hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy 02 Nghị quyết: Lãnh đạo thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 và lãnh đạo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.

- Tham mưu xây dựng hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Công tác thủy lợi và phòng chống lụt bão:

- Kết hợp địa phương tổ chức thực hiện được 13 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 8.718 m, khối lượng 70.584 m³. Nâng tổng số đến nay thực hiện 881 công trình thủy lợi nội đồng, chiều dài 684.815 m, khối lượng 1,98 triệu m³, vượt 30,2% kế hoạch cả năm.

- Tham gia nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng 10 công trình thủy lợi; tổng hợp báo cáo tổng kết tình hình thực hiện thủy lợi nội đồng năm 2016 và xây dựng kế hoạch thủy lợi nội đồng năm 2017.

- Lấy ý kiến UBND các xã Đại Phước huyện Càng Long, Lưu Nghiệp Anh huyện Trà Cú, xã Đông Hải huyện Duyên Hải về bản đồ hiện trạng và bố trí công trình thủy lợi phục vụ xây dựng nông thôn mới.

- Trình Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình duy tu, sửa chữa tuyến đê biển đoạn Tổng Long – Bắc Trang và sửa chữa 05 cầu giao thông trên tuyến đê Tả - Hữu sông Cỏ Chiên huyện Châu Thành.

- Trình Sở Tài chính chủ trương sửa chữa đê Hải Thành Hòa, xã Đông Hải, huyện Duyên Hải.

- Kết hợp địa phương xử lý các trường hợp xây dựng liều, quán trong hành lang bảo vệ kè Cồn Trứng, xã Trường Long Hòa, thị xã Duyên Hải; theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê biển trong các đợt triều cường dâng cao để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời. Tổ chức 16 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 01 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê. Nâng tổng số đến nay tổ chức 147 đợt khảo sát, kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, phát hiện 30 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê, đã tiến hành xử lý theo quy định và buộc khôi phục lại hiện trạng.

d) Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thực hiện 23 dự án (02 dự án khởi công mới, 21 dự án chuyển tiếp), gồm: 09 công trình phục vụ nuôi thủy sản; 12 công trình đê, kè; 02 công trình dân dụng, đã giải ngân 162 tỷ đồng đạt 51,6% kế hoạch (bổ sung vốn). Đồng thời, đang triển khai thi công đạt khối lượng các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2016 và công trình khắc phục hậu quả hạn hán do xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2015-2016.

e) Công tác đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất:

Ban hành kế hoạch xây dựng HTX nông nghiệp Nhị Trường, huyện Cầu Ngang; HTX Dừa sáp Hòa Tân, huyện Cầu Kè; HTX nông nghiệp Phú Mỹ Châu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành trở thành HTX nông nghiệp kiểu mới.

Hỗ trợ HTX nông nghiệp Thành Công, xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú và HTX Tiến Thành, xã Long Hòa, huyện Châu Thành báo cáo thành tích đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xét tôn vinh HTX tiêu biểu.

Hoàn thành 08 lớp tập huấn củng cố HTX, 08 lớp củng cố tổ hợp tác và 20 lớp thành lập mới tổ hợp tác, đạt 100% kế hoạch.

f) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) và quản lý tàu cá:

- Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, VSATTP: Thanh tra an toàn thực phẩm 11 cơ sở sản xuất, kinh doanh; kiểm tra, đánh giá 32 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông - lâm - thủy sản, kết quả xếp loại có 27 loại A, 05 loại B; cấp 21 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 72 mẫu (27 mẫu nông sản, 45 mẫu thủy sản). Nâng tổng số đến nay thanh tra an toàn thực phẩm 106 cơ sở kinh doanh thực phẩm, xay xát lúa gạo, kết quả các cơ sở đều sai phạm do không có giấy xác nhận kiến thức về ATTP, giấy chứng nhận

đủ điều kiện ATTP, giấy khám sức khỏe, chưa trang bị bảo hộ lao động; kiểm tra, đánh giá 225 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản, kết quả xếp loại có 178 loại A, 46 loại B, 01 loại C; cấp 102 giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; tổ chức thu phân tích, kiểm nghiệm chất lượng 613 mẫu (205 mẫu nông sản, 353 mẫu thủy sản, 55 mẫu nước tiểu heo thịt).

- Quản lý tàu cá, cảng cá:

+ Kiểm tra an toàn kỹ thuật 55 tàu cá, cấp văn bản đóng mới, cải hoán 18 tàu, đăng ký 17 tàu, xóa bộ 05 tàu, cấp 23 sổ danh bạ (105 thuyền viên), cấp 39 giấy phép khai thác thủy sản, 159 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Nâng tổng số đến nay kiểm tra an toàn kỹ thuật 499 tàu cá (16 tàu ngoài tỉnh), cấp văn bản đóng mới, cải hoán 144 tàu, đăng ký 164 tàu, xóa bộ 18 tàu, cấp 202 sổ danh bạ (883 thuyền viên), cấp 400 giấy phép khai thác thủy sản, 1.237 giấy xác nhận, chứng nhận thủy sản xuất khẩu vào thị trường EU. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 1.208 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 102.408 CV (234 tàu có công suất từ 90 CV trở lên).

+ Tổ chức thu phí 584 tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 942 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 91 triệu đồng. Lũy kế đến nay tổ chức thu phí 6.296 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 8.523 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng với số tiền 669 triệu đồng.

- Thanh tra, kiểm tra:

+ Tuyên truyền pháp luật: Tổ chức 28 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap, quản lý giống thủy sản, an toàn thực phẩm nông, thủy sản cho 940 lượt người. Nâng tổng số đến nay tổ chức 247 lớp tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, các quy định về nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGap, quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, thức ăn thủy sản, giống thủy sản cho 6.960 lượt người.

+ Kiểm tra xử lý vi phạm: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và quản lý tàu cá đối với 08 cơ sở sản xuất cá khô, 48 tàu cá; thu, phân tích 11 mẫu; xử lý 12 trường hợp vi phạm. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân và phương tiện khai thác thủy sản về việc chấp hành các quy định của pháp luật đối với 505 lượt tàu cá, 121 lượt phương tiện vận chuyển giống thủy sản, 225 cơ sở kinh doanh sản xuất kinh doanh thực phẩm, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; thu 164 mẫu thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc BVTV, phân bón, sản phẩm động vật, nguyên liệu thủy sản để kiểm tra chất lượng; xử lý vi phạm 77 trường hợp.

g) Công tác phát triển khoa học công nghệ, khuyến nông và công tác giống:

- Vụ Hè Thu khảo nghiệm 3 bộ giống lúa (bộ phẩm chất, bộ triển vọng và bộ Trà Vinh), diện tích 0,6 ha, hiện đang giai đoạn trổ - chín; Vụ Đông - Xuân 2016-2017 làm đất chuẩn bị khảo nghiệm 0,2 ha tại trại giống lúa Hùng Hòa. Khảo nghiệm 0,7 ha giống bưởi da xanh xen dừa, hiện đang phát triển tốt.

- Tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cho 722 lượt người, phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã và thành phố trực tiếp tư vấn cho 140 hộ. Nâng tổng số đến nay tổ chức 374 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản cho 10.781 lượt người (145 lớp trồng trọt 4.353 lượt người; 78 lớp chăn nuôi 2.174 lượt người; 151 lớp thủy sản 4.254 lượt người), phân công cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp tư vấn cho 4.868 lượt hộ. Cấp phát 150 sổ tay khuyến nông - khuyến ngư, 100 quyển tài liệu kỹ thuật, cấp phát 01 ngàn tờ tin khuyến nông, 37 ngàn tờ tài liệu bướm các loại.

- Kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện 02 cuộc tọa đàm “Kỹ thuật phòng và trị bệnh tôm nuôi giai đoạn cuối vụ”. Nâng tổng số đến nay thực hiện 09 bản tin thời sự, 01 chuyên mục, 04 cuộc phóng sự, 03 cuộc tọa đàm và 01 chuyên đề.

- Tiếp tục thực hiện 07 mô hình trình diễn: Mô hình sản xuất lúa lai thương phẩm, mô hình trồng bắp chuyển đổi gen, mô hình cải tạo đàn dê bằng phương pháp gieo tinh nhân tạo, mô hình chăn nuôi gà sinh sản theo hướng an toàn sinh học, mô hình nuôi cá kèo luân canh trong ao tôm, mô hình nuôi tôm càng xanh toàn đực, mô hình áp dụng 3 giảm 3 tăng và kỹ thuật trồng lúa SRI nhằm nâng cao hiệu quả và góp phần giảm phát thải khí nhà kính. Kết hợp Công ty cổ phần phân bón Bình Điền thực hiện mô hình canh tác lúa thông minh ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp dự án AMD: Thực hiện 10 mô hình, gồm mô hình trồng thâm canh cây gấc, mô hình trồng đậu phộng trong mùa mưa sử dụng phân hữu cơ vi sinh, mô hình trồng thanh long trên vùng sinh thái khác, mô hình nuôi cá thác lác cườm kết hợp cá sặc rằn trong ao, mô hình nuôi sò huyết trong ao nuôi tôm quảng canh cải tiến, mô hình nuôi tôm - cua - vọp kết hợp trồng rừng, mô hình nuôi tôm sú theo VietGAP, mô hình tôm nuôi tôm sú kết hợp cá rô phi, mô hình nuôi tôm càng xanh luân canh trong ao tôm sú, mô hình nuôi tôm càng xanh nước lợ. Hiện tại, các mô hình phát triển tốt.

- Công tác giống:

+ Giống cây trồng: Vụ Hè Thu sản xuất 11,6 ha giống lúa OM 5451, OM 4900 (cấp xác nhận 1), đã thu hoạch với sản lượng 45 tấn; nhân giống bưởi da xanh 10 ha tại các huyện Trà Cú và thành phố Trà Vinh, hiện đang hướng dẫn hộ dân xuống giống và chăm sóc cây con. Cung ứng 16,5 tấn lúa giống (3,6 tấn nguyên chủng), 863 cây giống các loại, nâng tổng số đến nay cung ứng 133 tấn lúa giống (12,2 tấn nguyên chủng) và 8.118 cây giống các loại.

+ Giống vật nuôi: Thực hiện 02 mô hình nhân giống gà tàu vàng sinh sản với 394 con gà mái tại xã Đại Phước, Phương Thạnh, huyện Càng Long, hiện gà hơn 6 tháng tuổi đang giai đoạn đẻ trứng.

+ Giống thủy sản: Sản xuất, cung ứng và giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 0,26 triệu con post tôm càng xanh, 0,5 triệu con cá lóc giống, 0,3 tấn con cá giống các loại. Nâng tổng số đến nay sản xuất, cung ứng, giới thiệu địa chỉ uy tín cho người nuôi được 11,6 triệu con post tôm sú, 11 triệu con tôm thẻ chân trắng, 5,16 triệu con tôm càng xanh, 1,5 triệu con cua biển, 2 tấn cá giống các loại và 0,5 triệu con giống cá lóc.

h) Công tác khác:

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

- Xây dựng khung lịch thời vụ xuống giống vụ Đông Xuân năm 2016-2017 trên địa bàn tỉnh.

- Tổng hợp báo cáo công tác chuẩn bị phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn 2016-2017 trên địa bàn tỉnh; tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2017 trên địa bàn tỉnh.

- Kết hợp Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn tổ chức hội thảo “Ứng phó của người dân với biến đổi khí hậu và một số đề xuất chính sách”.

- Hoàn chỉnh thủ tục đề nghị đăng tải hồ sơ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành một số chính sách tái cơ cấu và 3 Nghị quyết: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh.

- Chuẩn bị tổng kết công tác phòng chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi 2016 và xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh năm 2017.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh một số kết quả đạt được như trên, ngành nông nghiệp vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Mưa lớn gây ngập úng cục bộ làm thiệt hại một số diện tích lúa Thu đông trên địa bàn tỉnh, nông dân phải gieo sạ và dặm lại; bệnh đạo ôn gây hại làm giảm năng suất so cùng kỳ; tiến độ xuống giống lúa thu đông – mùa thấp hơn so cùng kỳ do điều chỉnh lịch thời vụ.

- Diện tích trồng màu giảm đáng kể so cùng kỳ (giảm 3.051 ha).

- Diện tích và sản lượng tôm sú giảm do người dân chuyển sang nuôi tôm thẻ và một số đối tượng khác, có thời gian thu hoạch ngắn hơn.

- Các địa phương triển khai thực hiện các công trình đầu tư xây dựng cơ bản và hỗ trợ sản xuất còn chậm.

- Sản xuất giống tại địa phương với qui mô nhỏ lẻ; công tác kiểm soát, quản lý chất lượng giống còn nhiều hạn chế.

2. Nguyên nhân:

- Chi phí đầu tư cho trồng màu cao hơn so với trồng lúa, trong khi đó giá cả đầu ra luôn bấp bênh, không tồn trữ được, chưa liên kết được đầu ra nên nông dân không mạnh dạn đầu tư.

- Điều kiện thời tiết không thuận lợi, ảnh hưởng của áp thấp nhiệt đới, bão nên số tàu hạn chế ra khơi dẫn đến sản lượng khai thác giảm so với tháng trước.

- Nguồn vốn đầu tư công trình xây dựng cơ bản và hỗ trợ sản xuất thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được phân bổ trễ, khả năng đến cuối năm một số xã không đạt 19 tiêu chí theo kế hoạch

- Vai trò quản lý nhà nước trong công tác quản lý giống và vật tư đầu vào còn nhiều mặt hạn chế. Sự phối hợp giữa các ngành và chính quyền địa phương còn thiếu chặt chẽ và chưa đồng bộ; việc tuyên truyền, quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, thức ăn chăn nuôi và vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập, do có trách nhiệm liên đới nhiều ngành.

III. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG 11

1. Chỉ đạo sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật:

Xây dựng hoàn chỉnh các điểm dự báo sâu bệnh trên lúa vụ Thu đông mùa 2016-2017; thường xuyên kiểm tra đồng ruộng để hướng dẫn nông dân phòng trị kịp thời các loại sâu bệnh gây hại, đặc biệt là hướng dẫn nông dân phòng, trị bệnh đạo ôn, rầy nâu, cháy lá trên lúa Thu đông - mùa giai đoạn đòng - trổ. Tuyên truyền, vận động nông dân vệ sinh đồng ruộng, chuẩn bị tốt điều kiện xuống giống lúa Đông Xuân 2016-2017, theo khung lịch thời vụ.

Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Hướng dẫn nông dân chăm sóc, phòng trị các loại sâu bệnh gây hại; kết hợp địa phương thống kê diện tích, năng suất, sản lượng các loại cây màu vụ mùa 2016, triển khai kế hoạch trồng màu vụ Đông Xuân năm 2017 đặc biệt là diện tích màu phục vụ Tết Nguyên đán 2017.

b) Chăn nuôi, thú y: Chỉ đạo tập trung công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi nhất là trong thời điểm giao mùa; kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, quản lý đàn thông qua hình thức cấp sổ chăn nuôi; thực hiện kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, vận chuyển gia súc, gia cầm; tiếp tục triển khai thực hiện tiêm phòng theo Quyết định 72/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức tập huấn, tuyên truyền cam kết không sử dụng chất cấm, cam kết tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Tổng hợp báo cáo công tác phòng, chống dịch bệnh năm 2016 và xây dựng Kế hoạch năm 2017.

c) Lâm nghiệp: Nghiệm thu phúc tra công trình trồng rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh và Dự án trồng rừng phòng hộ của Công ty TNHH TM-DV Mùa Vàng. Tiếp tục kiểm tra công tác gieo ươm cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng năm 2017; vận động các hộ dân nhận khoán trồng cây lâm nghiệp phân tán trên địa bàn tỉnh chăm sóc, quản lý và trồng dặm đảm bảo tỷ lệ sống theo quy định; nghiệm thu cấp cơ sở công trình chăm sóc, bảo vệ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh

rừng thuộc Dự án Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2014-2018; tổ chức tuyên truyền pháp luật về quản lý, bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng đến người dân sống tiếp giáp với rừng.

d) Thủy sản: Kết hợp các địa phương theo dõi tình hình thu hoạch các loại thủy sản thả nuôi, nhất là tôm sú, tôm thẻ, cá lóc, cá tra; hướng dẫn nông dân chăm sóc diện tích thả nuôi còn lại của năm 2016; hướng dẫn người dân cải tạo ao đìa, chuẩn bị thả nuôi một số đối tượng thủy sản theo lịch thời vụ vụ nuôi 2016-2017; quản lý chặt chẽ tình hình kinh doanh vật tư đầu vào dùng trong nuôi thủy sản và kiểm dịch giống xuất nhập tỉnh; xúc tiến mời gọi doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất giống trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện VSATTP đối với tàu cá, các cơ sở thu mua, sơ chế, bảo quản nguyên liệu thủy sản; tổ chức các cuộc tuyên truyền về Luật thủy sản, khai thác bảo vệ nguồn lợi thủy sản và tập huấn quy trình nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP); thực hiện quan trắc, cảnh báo môi trường và thu mẫu giáp xác tại các tuyến sông đầu nguồn phục vụ nuôi thủy sản; hướng dẫn ngư dân trang bị đầy đủ các phương tiện cho tàu khai thác trước khi ra khơi trong mùa mưa bão. Tổ chức hội nghị tổng kết nuôi trồng thủy sản vùng ngập mặn năm 2016 và triển khai kế hoạch 2017.

e) Công tác nông thôn mới: Tham mưu BCD tỉnh soạn thảo Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Ban Chỉ đạo toàn dân xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh. Xây dựng Kế hoạch tổ chức Phong trào thi đua “Trà vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016 – 2020 và Dự thảo Chương trình hợp tác với Ngân hàng Agribank Trà Vinh trong xây dựng NTM giai đoạn 2016 – 2020. Kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện các nguồn vốn hỗ trợ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 trên địa bàn tỉnh.

2. Công tác chuyên ngành:

- Hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành một số chính sách hỗ trợ tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29/7/2015 của UBND tỉnh.

- Chọn nhà thầu lập dự án quy hoạch: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch ngành; quy hoạch vùng cây ăn quả chủ lực trồng tập trung và quy hoạch chi tiết nuôi, chế biến cá tra trên địa bàn tỉnh

- Tập trung chỉ đạo cán bộ kỹ thuật xuống địa bàn các huyện, thành phố và thị xã tư vấn trực tiếp cho các hộ dân, tổ chức 10 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, phòng chống dịch bệnh; tổ chức 02 lớp tập huấn TOT “Đào tạo giảng viên cấp tỉnh về phương pháp, kỹ năng tập huấn khuyến nông” và “Bồi dưỡng phương pháp khuyến nông và kỹ thuật giảm lượng giống gieo sạ trong sản xuất lúa” cho 60 người; tiếp tục theo dõi, triển khai thực hiện 06 mô hình trình diễn để chọn và nhân rộng các mô hình có hiệu quả; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện các chuyên mục, phóng sự và bản tin về công tác khuyến nông. Kết hợp dự án AMD theo dõi và hướng dẫn các hộ thực hiện mô hình gác, triển khai và thực hiện các mô hình đã được dự án

phê duyệt như: Trồng thanh long trên vùng sinh thái khác, nuôi cá thát lát cườm kết hợp cá sặc rằn, nuôi tôm cua vọp,... Kết hợp dự án Heifer tổ chức 09 mô hình sản xuất rau ăn quả an toàn.

- Phối hợp tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thực phẩm nông, thủy sản cho các cán bộ quản lý tại địa phương, hộ sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng. Tiếp nhận, hướng dẫn đăng ký, kiểm tra điều kiện đảm bảo ATVSTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản; thu mẫu kiểm soát an toàn vệ sinh vùng thu hoạch nhuyễn thể 2 mảnh vỏ, thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông, thủy sản định kỳ theo quy định. Tổ chức các cuộc thanh tra chuyên ngành đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Điều tiết, sản xuất, cung ứng giống lúa, cây ăn trái, thủy sản phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh. Tăng cường các hoạt động quản lý Nhà nước chuyên ngành về chất lượng cây, con giống (đặc biệt là lúa giống và tôm giống), vật tư phục vụ sản xuất, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; kiểm tra ATVSTP.

- Duy trì hoạt động cấp nước tại 165 trạm, lắp đặt đồng hồ cấp nước sinh hoạt cho 800 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh và kéo thêm tuyến ống cấp nước cho các xã gặp khó khăn về nước sinh hoạt trong mùa khô, hạn.

- Quản lý tốt tàu, xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu phí, lệ phí đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

- Phối hợp Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền về phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn cho ngư dân; hướng dẫn nông, ngư dân ở vùng ven sông, ven biển, vùng có nguy cơ bị sạt lở chủ động di dời để hạn chế thiệt hại khi có mưa, lũ xảy ra.

Căn cứ vào chương trình công tác của Sở Nông nghiệp và PTNT, thủ trưởng các phòng, đơn vị trực thuộc theo chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện. / *Thủ*

Nơi nhận:

- Bộ NN-PTNT;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Sở KH-ĐT, Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Phòng NN-PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Lưu: *MT*, KHTC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Ngọc Hải

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
10 THÁNG NĂM 2016**



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
A	B	C	1	2		3	4=3/1	5=3/2
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
I.	TRỒNG TRỌT							
1	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	209.420	190.330	37.384	174.553	83,35%	91,71%
	Cây lương thực có hạt	Ha	163.843	139.000	34.531	131.028	79,97%	94,26%
1.1	Cây lúa	Ha	158.898	133.000	34.195	127.082	79,98%	95,55%
	Vụ Hè Thu							
	- DT gieo sạ	Ha	79.224	78.000		77.719	98,10%	99,64%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	77.783	78.000	27.285	70.056	90,07%	89,82%
	- Năng suất	Tạ/ha	52,31	53,50	50,6	50,6	96,81%	94,65%
	- Sản lượng	tấn	406.866	417.300	138.188	354.741	87,19%	85,01%
	Vụ Thu Đông-mùa 2016-2017							
	- DT gieo sạ	Ha	79.674	55.000	34.195	49.362	61,96%	89,75%
	- Diện tích thu hoạch	Ha	1.895	55.000	695	695	36,68%	1,26%
	- Năng suất	Tạ/ha	54,26	54,20	44	44	81,09%	81,18%
	- Sản lượng	tấn	10.283	298.100	30.580	30.580	297,38%	10,26%
1.2	Cây màu	Ha	50.522	57.330	3.189	47.471	93,96%	82,80%
1.2.1	Màu lương thực	Ha	7.645	9.350	523	6.335	82,86%	67,75%
	Cây bắp							
	- Diện tích gieo trồng	Ha	4.945	6.000	336	3.946	79,81%	65,77%
	- Diện tích thu hoạch	"	3.807	6.000	146	3.526	92,62%	58,77%
	- Năng suất	Tạ/ha	56,75	52,00	52,08	54,40	95,86%	104,62%
	- Sản lượng	Tấn	21.605	31.200	760	19.181	88,78%	61,48%
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.232	1.550	74,65	1.088,84	88,41%	70,25%
	+ Diện tích thu hoạch	"	899	1.550	67,00	985,52	109,65%	63,58%
	+ Năng suất	Tạ/ha	176,39	159,70	172,73	174,10	98,70%	109,01%
	+ Sản lượng	Tấn	15.854	24.754	1.157	17.158	108,22%	69,31%
	Sắn							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	974	1.150	75,55	847,50	87,02%	73,70%
	+ Diện tích thu hoạch	"	602	1.150	33,04	704,60	116,95%	61,27%
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,9	151,50	149,1	151,10	92,76%	99,73%
	+ Sản lượng	Tấn	9.814	17.423	493	10.647	108,48%	61,11%
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	495	650	36,45	451,97	91,31%	69,53%
	+ Diện tích thu hoạch	"	373	650	17,00	382,00	102,41%	58,77%
1.2.2	Cây thực phẩm	Ha	28.062	31.830	1.749	26.221	93,44%	82,38%
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	27.274	31.000	1.724,42	25.523,85	93,58%	82,34%
	+ Diện tích thu hoạch	"	21.825	31.000	688,00	21.868,00	100,20%	70,54%
	+ Năng suất	Tạ/ha	223,1	223,94	230,98	243,30	109,06%	108,65%
	+ Sản lượng	Tấn	486.862	694.200	15.891	532.048	109,28%	76,64%
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	788	830	24,95	696,81	88,46%	83,95%
	+ Diện tích thu hoạch	"	699	830	23	658,20	94,15%	79,30%
	+ Năng suất	Tạ/ha	16,8	16,58	15,3	15,30	91,05%	92,27%
	+ Sản lượng	Tấn	1.174	1.376	35	1.007	85,72%	73,17%
1.2.3	Cây công nghiệp hàng năm		12.552	13.500	644	11.828	94,23%	87,61%
	Đậu phộng	Ha						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.336	5.000	90	4.494	103,63%	89,87%
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.913	5.000	130,00	4.216,12	107,76%	84,32%
	+ Năng suất	Tạ/ha	53,2	53,00	50,65	52,54	98,69%	99,13%
	+ Sản lượng	Tấn	20.831	26.500	659	22.151,49	106,34%	83,59%
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	5.941	6.100	359,19	5.145	86,61%	84,35%



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	Trong đó: DT rừng trồng	"						
	+ Diện tích thu hoạch	"	5.522	6.100	565	4.789	86,71%	78,50%
	+ Năng suất	Tạ/ha	1.093	1.100	1.074	1.074	98,30%	97,67%
	+ Sản lượng	Tấn	603.595	671.000	60.660	514.498	85,24%	76,68%
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.275	2.400	195,3	2.189	96,22%	91,20%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.523	2.400	120,4	1.606,8	105,50%	66,95%
	+ Năng suất	Tạ/ha	108,5	103,40	101,5	101,50	93,55%	98,16%
	+ Sản lượng	Tấn	16.525	24.816	1.222	16.309	98,70%	65,72%
1.2.4	Cây trồng khác	Ha	2.263	2.650	273	3.088	136,46%	116,53%
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.263	2.650	273	3.088	136,46%	116,53%
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.881	2.650	220	2.894	153,85%	109,21%
2	Cây lâu năm							
II	CHĂN NUÔI							
B	LÂM NGHIỆP							
1.	Lâm sinh							
1.1.	DT rừng trồng tập trung	Ha	272	233	73	213	78,31%	91,42%
	Trong đó:							
	- Rừng phòng hộ	"	272	233	73	213	78,31%	91,42%
1.2.	DT rừng trồng được chăm sóc	Ha	274	340		338		
1.3.	DT khoanh nuôi tái sinh	Ha	25					
1.4.	DT giao khoán bảo vệ	Ha	4.943	4.971		5.066	102,48%	101,91%
1.5.	Số cây lâm nghiệp phân tán	1000 cây	91	50		50	54,95%	100,00%
2.	Khai thác							
C	DIÊM NGHIỆP							
D	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	42.039	42.700	1.338	42.052	100,03%	98,48%
1.1.	Nuôi nước ngọt	"	3.680	4.000	681	3.286	89,32%	82,16%
	- Diện tích nuôi cá	"	2.418,52	2.500	647	2.332,35	96,44%	93,29%
	Trong đó: + Cá tra, cá ba sa	"	10,35	50	2	40	387,83%	80,28%
	Cá lóc	"	216,32	290	52	298	137,56%	102,61%
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	1.261	1.500	34	954	75,66%	63,60%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.261	1.500	34	954	75,66%	63,60%
	- Diện tích nuôi khác	"	0					
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	38.360	38.700	656	38.766	101,06%	100,17%
	- Diện tích nuôi cá	"						
	Trong đó: + cá giò, cá song	"						
	+ ...	"						
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	37.706	37.000	631	38.441	101,95%	103,89%
	Trong đó: + Tôm sú	"	20.429	19.000	146	18.548	90,79%	97,62%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	4.634	5.000	452	5.861	126,50%	117,23%
	+ Cua biển	"	12.643	13.000	34	14.031	110,98%	107,93%
	- Diện tích nuôi khác (nghêu, sò huyết, cá nước lợ)	"	654	1.700	25	325	49,69%	19,12%
2.	Thể tích nuôi lồng, bè	m ³						
	- Nuôi cá	"						
	- Nuôi giáp xác	"						
	- Nuôi nhuyễn thể	"						
3.	Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con						
	- Cá giống	"						
	- Tôm giống	"						
	- Nhuyễn thể giống	"						
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	137.244	181.000	18.352	140.356	102,27%	77,54%
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	76.616	101.200	13.191	84.566	110,38%	83,56%
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	36.358	55.500	5.702	42.600	117,17%	76,76%
	- Sản lượng cá	"	35.902	55.000	5.694	42.241,58	117,66%	76,80%
	Trong đó: cá tra, cá ba sa	"	4.204	10.000	2.910	8.814	209,65%	88,14%
	Cá lóc	"	20.590	27.000	1.394	22.472,0	109,14%	83,23%
	- Sản lượng giáp xác	"	343	500	8	358,0	104,31%	71,60%
	Trong đó: tôm càng xanh	"	343	500	8	358,0	104,31%	71,60%

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH cùng kỳ	KH vụ/năm 2016	Thực hiện tháng 10	Ước TH 10 tháng năm 2016	% so sánh với	
							Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Sản lượng thủy sản khác		112					
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	40.258	45.700	7.490	41.966	104,24%	91,83%
	- Sản lượng cá nuôi							
	Trong đó: Cá giò, cá song							
	...							
	- Sản lượng giáp xác nuôi		39.157	43.500	7.377,2	40.274,0	102,85%	92,58%
	Trong đó: + Tôm sú	"	12.479	14.500	1.880	11.226,0	89,96%	77,42%
	+ Tôm thẻ chân trắng	"	19.687	21.000	4.771,08	22.356,4	113,56%	106,46%
	+ Nuôi cua biển	"	6.991	8.000	726	6.691,7	95,71%	83,65%
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.101	2.200	113	1.692,00	153,68%	76,91%
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	60.628	79.800	5.161	55.790	92,02%	69,91%
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	51.622	65.900	3.792	47.562	92,14%	72,17%
	+ Sản lượng cá khai thác	Tấn	21.585	25.000	1.774	19.427	90,00%	77,71%
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	6.808	8.900	612	6.674,6	98,04%	75,00%
	Trong đó: - Tôm...	"	6.808					
	- ...	"						
	+ SL nhuyễn thể khai thác	Tấn						
	Trong đó: - Loài	"						
	- ...	"						
	+ SL hải sản khác khai thác	"	23.228	32.000	1.406	21.460,0	92,39%	67,06%
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	9.006	13.900	1.368,7	8.228,6	91,37%	59,20%
	Trong đó: - Cá các loại	"	4.073	6.500	590	3.508,9	86,16%	53,98%
	- Tôm các loại	"	3.251	4.200	377	2.960	91,05%	70,47%
	- Nhuyễn thể các loại	"						
	- Giáp xác các loại (không kể tôm)	"						
	- Sản lượng thủy sản khác	"	1.683	3.200	402	1.760	104,57%	54,99%